

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THUỘC VÙNG SÂU VÙNG XA HUYỆN ĐẠ TÊH – TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG*, LÊ THỊ XUÂN**

TÓM TẮT

Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý (QL) hoạt động giáo dục (HĐGD) kĩ năng sống (KNS) cho học sinh (HS) ở các trường tiểu học (TH) thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng trên các phương diện: nhận thức của các chủ thể QL nhà trường về mức độ cần thiết của công tác QL HĐGD KNS; điều kiện của nhà trường cho HĐGD KNS cho HS; thực trạng thực hiện bốn chức năng QL trong công tác QL HĐGD KNS cho HS; các yếu tố ảnh hưởng tới công tác QL HĐGD KNS cho HS trong nhà trường TH.

Từ khóa: kĩ năng sống, quản lý hoạt động giáo dục kĩ năng sống.

ABSTRACT

The reality of managing life skill educational activities for primary school students in remote areas of Da Teh district – Lam Dong province

This research presents the reality of managing life skills educational activities for primary school students in remote areas of Da The district – Lam Dong Province in terms of: the awareness of the need for management life skills education for primary school students for managers in primary school; the facilities of primary schools for life skills education, the four managerial functions in life skill education management in primary schools, and the factors affecting the management of life skill- education for primary school students.

Keywords: life skills, managing life skill educational activities.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục (GD) KNS, tựu trung lại là GD làm người, giúp cá nhân có thể thích ứng với nhiều hoàn cảnh và đòi hỏi khác nhau của cuộc sống. GD KNS không phải là việc làm một sớm, một chiều mà là cả một quá trình lâu dài và liên tục, Điều đó phải được chú trọng ngay từ bậc học nền tảng của HS. Để HĐGD KNS cho HS trong trường TH có hiệu quả thì CBQL nhà trường, đặc biệt

là HT cần chú trọng QL hoạt động này [1].

Trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) huyện Đạ Tẻh - tỉnh Lâm Đồng đã từng bước trưởng thành và đang có những chuyển biến tích cực theo hướng đổi mới toàn diện nhà trường, xây dựng nhà trường thành môi trường GD lành mạnh, nhà trường thân thiện, HS tích cực. Phòng GD&ĐT huyện Đạ Tẻh rất quan tâm và tạo điều kiện cho

* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM; Email: bichhongdhsp@yahoo.com.vn

** ThS.

các trường TH trong các HGD cũng như việc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH). Nhưng do đặc điểm là huyện thuộc vùng sâu vùng xa của một tỉnh thuộc cao nguyên, có những khó khăn nhất định như trình độ dân trí thấp và không đồng đều; đời sống kinh tế ở các xã khác nhau trong huyện, đặc biệt là các xã thuộc vùng sâu vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn nên có ảnh hưởng nhất định tới GD. Một đặc điểm nổi bật nữa là trẻ em vùng sâu vùng xa trong huyện còn nhút nhát, thiếu KNS [2]. Đó là thực trạng mà ngành GD của tỉnh Lâm Đồng nói chung, huyện Đạ Tẻh nói riêng cần quan tâm hơn để đảm bảo thực hiện GD toàn diện HS, và trường TH là cơ sở có nhiệm vụ vô cùng quan trọng trong việc GD KNS cho các em.

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Kỹ năng sống

KNS là năng lực cá nhân để cá nhân thực hiện đầy đủ các chức năng, ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, thích nghi và tham gia vào cuộc sống hằng ngày trong các mối quan hệ với chính mình, với tự nhiên và với người khác trong các mối quan hệ trong gia đình, nhà trường và xã hội. [6], [7]

2.2. Giáo dục kỹ năng sống

GD KNS là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể GD đến HS nhằm giúp HS có những kiến thức về cuộc sống, có những thao tác, hành vi ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội; giúp cho nhân cách mỗi HS được phát triển hài hòa, đúng đắn,

đồng thời thích ứng tốt với môi trường sống và các mối quan hệ. [5]

2.3. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống

QL HGD KNS cho HS trong nhà trường là những tác động có định hướng, có ý thức, có kế hoạch của chủ thể QL nhà trường đến đối tượng và khách thể QL nhà trường nhằm làm cho HGD KNS cho HS của nhà trường vận hành và đạt được mục tiêu đã xác định [5].

3. Thể thức và phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

3.1.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Nghiên cứu các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước về vấn đề GD KNS cho HS ở nhà trường TH; các đề tài, tài liệu, sách, báo; tham khảo các vấn đề có liên quan đến đề tài để hình thành cơ sở lí luận cho đề tài.

3.1.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

3.1.2.1. Phương pháp điều tra giáo dục

Để soạn thảo phiếu khảo sát, chúng tôi gửi câu hỏi mở đến một số CBQL và GV ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng nhằm thu thập ý kiến về vấn đề nghiên cứu, sau đó soạn thang khảo sát và gửi phiếu khảo sát đến các CBQL và GV.

Phương pháp này được thực hiện trên 69 GV và 28 CBQL tại 5 trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng.

3.1.2.2. Phương pháp quan sát

Trước khi xây dựng phiếu thăm dò ý kiến, chúng tôi tiến hành quan sát các

HĐGD của nhà trường có liên quan đến HĐGD KNS cho HS, tham dự các cuộc họp hội đồng sư phạm, quan sát cơ sở vật chất (CSVC) – phương tiện giáo dục (PTGD) và khung cảnh nhà trường.

3.1.2.3. Phương pháp phỏng vấn

Sau khi phân tích số liệu thu thập được từ hai phiếu khảo sát và kết quả quan sát, để khẳng định lại một lần nữa kết quả nghiên cứu và độ tin cậy của thông tin, chúng tôi tiến hành soạn thảo câu hỏi phỏng vấn và tiến hành phỏng vấn một số CBQL, GV các trường tham gia khảo sát và một số CBQL phòng GD&ĐT huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng.

3.1.2.4. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia

Phương pháp này được thực hiện nhằm lấy ý kiến chuyên gia về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QL HĐGD KNS cho HS trong nhà trường TH; các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả QL HĐGD KNS cho HS ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh - tỉnh Lâm Đồng. Đối tượng xin ý kiến là một số chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực QLGD cấp TH, một số chuyên gia giảng dạy và nghiên cứu về giáo dục học và QLGD.

3.1.2.5. Phương pháp thống kê

Xử lý thống kê làm cơ sở bình luận số liệu thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Sử dụng phần mềm SPSS 17.0 xử lý kết quả thống kê đưa ra kết luận định lượng làm cơ sở cho các kết luận định tính.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Gồm 2 phiếu khảo sát dành cho CBQL và GV của 5 trường TH thuộc 5 xã vùng sâu vùng xa của huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng.

Quy ước cách đánh giá mức độ khảo sát về thực trạng như sau:

+ *Thang 4 mức:*

▪ Trung bình cộng từ 1.0 đến 1.49:

Không quan trọng;

▪ Trung bình cộng từ 1.50 đến

2.49: Ít quan trọng;

▪ Trung bình cộng từ 2.50 đến

3.49: Quan trọng;

▪ Trung bình cộng từ 3.50 đến 4.0:

Rất quan trọng.

+ *Thang 3 mức:*

▪ Trung bình cộng từ 1.0 đến 1.49:

Không bao giờ, chưa tốt, thực hiện sơ sài, không ảnh hưởng;

▪ Trung bình cộng từ 1.5 đến 2.49:

Thỉnh thoảng, lưỡng lự, chú trọng thực hiện nhưng chưa tốt, ít ảnh hưởng;

▪ Trung bình cộng từ 2.5 đến 3.0:

Thường xuyên, tốt, thực hiện tốt, ảnh hưởng.

3.3. Mẫu nghiên cứu

Tổng cộng 28 CBQL và 69 GV thuộc 5 trường TH: Mỹ Đức, Quảng Trị, Hương Lâm, Quốc Oai, Xuân Thành.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý về mức độ cần thiết của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống đối với các chủ thể quản lý trường tiểu học (xem bảng 1)

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng về mức độ cần thiết của công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống đối với các chủ thể quản lý nhà trường

Các chủ thể quản lý	Ý kiến									
	Đánh giá mức độ cần thiết (%)						TB		ĐLC	
	Rất cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết					
	QL	GV	QL	GV	QL	GV	QL	GV	QL	GV
Hiệu trưởng (HT)	100,0	89,9	0	10,1	0	0	3,00	2,90	0,00	0,30
Phó HT chuyên môn	89,3	87,0	10,7	13,0	0	0	2,89	2,87	0,32	0,34
Phó HT phong trào	78,6	71,0	14,3	15,9	7,1	13,0	2,71	2,58	0,60	0,71
Khối trưởng	71,4	84,1	28,6	15,9	0	0	2,71	2,84	0,46	0,37
Tổ trưởng bộ môn	53,6	68,1	35,7	29,0	10,7	2,9	2,43	2,65	0,69	0,54

Bảng 1 cho thấy đánh giá của CBQL và GV ở mức rất cần thiết và đều ở tỉ lệ rất cao cùng với điểm trung bình (ĐTB) ở mức cao, trong đó đáng chú ý là có tới 100% CBQL và 89,9% GV đánh giá công tác QL HĐGD KNS cho HS là rất cần thiết đối với HT, với ĐTB là 3,00 theo đánh giá của CBQL và 2,90 theo đánh giá của GV, cùng với ĐLC thấp ở cả CBQL và GV. Điều này cho thấy, phần lớn CBQL và GV các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh - tỉnh Lâm Đồng đã có nhận thức đúng đắn về mức độ cần thiết của công tác QL HĐGD KNS của các chủ thể QL trường TH, đặc biệt là HT. Đa số các tổ khối trưởng (TKT) chưa coi trọng đúng mức vai trò của bản thân trong công tác này, điều này phản ánh thực trạng phần lớn BGH các trường còn “ôm đồm” trong công tác QL hoạt động này, phần lớn BGH các trường chưa chú trọng phân công trách nhiệm QL hoạt động này cho các TKT.

4.2. Thực trạng các điều kiện của nhà trường cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh-tỉnh Lâm Đồng (xem bảng 2)

Bảng 2. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về các điều kiện của nhà trường cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

Điều kiện	Đánh giá (%)			
	Có		Không	
	QL	GV	QL	GV
Nhà trường có phòng học dành riêng cho HĐGD KNS	3,6	2,9	96,4	97,1
PTGD đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS	39,3	46,4	60,7	53,6
GV đã được bồi dưỡng về HĐGD KNS cho HS	96,4	89,9	3,6	10,1
CBQL được bồi dưỡng về công tác QL HĐGD KNS	57,1	76,8	42,9	23,2

Bảng 2 cho thấy phần lớn các trường chưa có các điều kiện về CSVC – PTGD cho HGD KNS cho HS. Đặc biệt là phần lớn đội ngũ GV và CBQL nhà trường chưa được tập huấn, bồi dưỡng về HGD KNS và công tác QL hoạt động này. Đây là một khó khăn rất lớn cho HGD KNS và công tác QL hoạt động này ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh - tỉnh Lâm Đồng.

4.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống ở các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng (xem bảng 3)

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống của cán bộ quản lý các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng

Chức năng quản lý	Ý kiến				T- test của CBQL và GV	
	CBQL		GV		Sig	
	BGH	TKT	BGH	TKT	Đánh giá	Đánh giá
	ĐTB	ĐTB	ĐTB	ĐTB		
Xây dựng kế hoạch	2,51	2,52	2,34	2,29	BGH	BGH
Thảo luận xây dựng KH năm học, học kì	2,54	2,57	2,42	2,29	0,306	0,016
Phổ biến KH năm học, học kì	2,71	2,71	2,45	2,38	0,034	0,005
Thảo luận GV trong khối, tổ xây dựng KH	2,11	2,32	2,20	2,22	0,531	0,515
Xây dựng và phổ biến KH phối hợp giữa các lực lượng giáo dục (LLGD)	2,48	2,46	2,29	2,26	0,193	0,145
Tổ chức thực hiện	2,20	1,90	2,22	2,08		
Xây dựng và phổ biến cơ cấu QL	2,32	2,00	2,38	2,35	0,730	0,031
Phân công các LLGD nhiệm vụ và công việc cụ thể	2,21	1,86	2,28	2,00	0,724	0,397
Xây dựng bộ máy chuyên trách QL	1,61	1,29	1,78	1,67	0,365	0,023
Xây dựng nội quy, quy chế phối hợp nội bộ công tác QL	2,11	1,79	2,26	2,00	0,390	0,227
Tổ chức các LLGD nhà trường phối hợp với nhau	2,71	2,57	2,42	2,36	0,075	0,205
Chỉ đạo thực hiện	2,90	2,81	2,83	2,75		
Lồng ghép vào sinh hoạt chào cờ	2,93	2,71	2,88	2,74	0,519	0,814
Sử dụng PPDH tích cực, thiết kế bài dạy theo hướng đổi mới	2,86	2,82	2,77	2,71	0,331	0,261
Lồng ghép vào sinh hoạt chủ nhiệm	2,86	2,82	2,77	2,75	0,331	0,475
Lồng ghép vào bài dạy	2,89	2,86	2,88	2,80	0,903	0,496
Lồng ghép vào HGD NGLL	3,00	2,86	2,84	2,77	0,025	0,360
Kiểm tra – đánh giá	2,06	2,06	2,37	2,22		

Xây dựng, phổ biến quy trình KT-ĐG	2,04	1,82	2,28	2,03	0,170	0,214
Xây dựng tiêu chí đánh giá GV	2,00	1,89	2,26	1,99	0,151	0,597
Kiểm tra việc xây dựng kế hoạch của GV	2,32	2,14	2,46	2,35	0,338	0,157
Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của GV	2,39	2,11	2,45	2,39	0,705	0,051
Tổ chức dự giờ, đánh giá rút kinh nghiệm các tiết dạy, các HĐGD	2,43	2,29	2,57	2,46	0,245	0,153
Đánh giá, rút kinh nghiệm cuối học kì và năm học	2,25	2,11	2,28	2,19	0,867	0,553
Điều chỉnh KH	2,25	2,07	2,30	2,19	0,716	0,494

Bảng 3 cho thấy trong bốn chức năng QL của công tác QL HĐGD KNS cho HS thì phần lớn CBQL các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đa Tềh - tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng thực hiện chức năng chỉ đạo, còn các chức năng QL như xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra – đánh giá (KT – ĐG) HĐGD KNS chưa được ban giám hiệu (BGH) và TKT chú trọng, đặc biệt là chức năng KT - ĐG.

Cụ thể, trong công tác xây dựng kế hoạch (KH), phần lớn BGH và TKT các trường đã chú trọng thảo luận xây dựng KH năm học, học kì và phổ biến KH tới các LLGD nhà trường; tuy nhiên, phần lớn BGH và TKT chưa chú trọng tổ chức cho các GV trong khối, tổ thảo luận và xây dựng KH GDKNS cho tổ và khối. Trong chức năng tổ chức thực hiện, đa số CBQL các trường chỉ mới thực hiện tốt công tác tổ chức cho các LLGD nhà trường phối hợp với nhau nhưng chưa chú trọng xây dựng nội quy, quy chế phối hợp nội bộ trong công tác QL và chưa có điều kiện về nhân sự để xây dựng bộ máy chuyên trách QL HĐGD KNS cho HS. Ở chức năng chỉ đạo thực hiện, phần lớn

BGH và TKT các trường đã chú trọng chỉ đạo các LLGD nhà trường lồng ghép GD KNS vào các bài dạy, các HĐGD ngoài giờ lên lớp (NGLL) và sinh hoạt chào cờ đầu tuần; tuy nhiên việc chỉ đạo GV đổi mới PPDH, sử dụng PTDH hiện đại nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của HS và lồng ghép GD KNS vào các tiết sinh hoạt chủ nhiệm chưa được chú trọng. Trong công tác KT - ĐG, phần lớn BGH và TKT các trường chưa chú trọng thực hiện nhiều biện pháp nhằm KT - ĐG chính xác và hiệu quả hoạt động này. Hầu hết các trường chưa xây dựng, phổ biến quy trình KT - ĐG và tiêu chí đánh giá việc thực hiện hoạt động này tới GV; việc tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm và điều chỉnh KH vào cuối học kì và năm học cũng chưa được chú trọng.

Kết quả kiểm nghiệm T – test cho thấy, phần lớn các biện pháp với sig > 0,05 nên có thể khẳng định, không có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa đánh giá của CBQL và GV các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đa Tềh – tỉnh Lâm Đồng về việc thực hiện các biện pháp QL trong công tác QL HĐGD KNS cho HS của cả BGH và

TKT các trường. Nhưng điều cần chú ý là, trong công tác xây dựng KH cho HGD KNS, 2 biện pháp có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa đánh giá của CBQL và GV về việc thực hiện của TKT, đó là “thảo luận xây dựng KH GDKNS cho HS theo năm học và học kì” với $\text{sig} = 0,016 < 0,05$ và biện pháp “phổ biến KH GDKNS cho HS theo năm học và học kì tới các LLGD” với $\text{sig} = 0,005 < 0,05$. Trong công tác tổ chức thực hiện, có biện pháp “xây dựng và phổ biến cơ cấu QL” với $\text{sig} = 0,031 < 0,05$ và biện pháp “xây dựng bộ máy chuyên trách QL HGD KNS” với $\text{sig} = 0,023 < 0,05$ cũng cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa đánh giá của CBQL và GV các trường về việc thực hiện của TKT đối với 2 biện pháp này. Còn đối với công tác KT – ĐG hoạt động này, chỉ có biện pháp “chỉ đạo lồng ghép GDKNS cho HS vào HGD NGLL” với $\text{sig} = 0,025 < 0,05$ cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa đánh giá của CBQL và GV các trường đối với việc thực hiện của BGH.

Tóm lại, số liệu khảo sát việc thực hiện bốn chức năng QL và kết quả phỏng vấn cho thấy, trong công tác QL HGD KNS cho HS thì đa số CBQL các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh - tỉnh Lâm Đồng đã chú trọng chỉ đạo các LLGD thực hiện hoạt động này, còn công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và KT – ĐG HGD KNS chưa được phần lớn BGH và TKT các trường chú trọng thực hiện thường xuyên các biện pháp QL, đặc biệt là công tác KT - ĐG. Đây là một hạn chế trong công tác

QL HGD KNS cho HS ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng, đồng thời ảnh hưởng tới hiệu quả QL hoạt động này ở các trường. Bởi vì, lí luận và thực tế chứng minh rằng, bất cứ một hoạt động nào muốn QL hiệu quả và đồng bộ thì CBQL cần chú trọng từ khâu đầu tiên rất quan trọng đó là xây dựng kế hoạch cho hoạt động, tiếp theo là cần tổ chức về nhân sự, quy trình thực hiện hoạt động; và một điều không thể thiếu đó là KT - ĐG việc thực hiện hoạt động để nắm bắt tình hình hoạt động và thu được những thông tin phản hồi ngược phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh những biện pháp QL và phương án chưa phù hợp với thực tế tổ chức. Đối với HGD KNS cho HS trong nhà trường TH cũng vậy, cũng cần CBQL nhà trường thực hiện trình tự và khoa học từng chức năng QL để đảm bảo QL hiệu quả HGD KNS cho HS, góp phần thực hiện hiệu quả hoạt động này ở nhà trường.

4.4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lí hoạt động giáo dục kĩ năng sống ở các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng (xem bảng 4 ở phụ lục)

Bảng 4 cho thấy tỉ lệ đánh giá cao, ĐTB khá cao và ĐLC thấp ở cả đánh giá của CBQL và GV đối với các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QL HGD KNS cho HS. Điều này cho thấy đa số các yếu tố trên đều ảnh hưởng đến công tác QL HGD KNS của CBQL các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả kiểm nghiệm Anova về sự khác biệt trong đánh giá của CBQL và GV giữa 5 trường cho thấy có 4 yếu tố là “năng lực của CBQL nhà trường”, “sự quan tâm và tạo điều kiện của các cấp QLGD đối với HGD KNS cho HS”, “CBQL nhà trường được bồi dưỡng về công tác QL HGD KNS cho HS” và yếu tố “sự chỉ đạo và KT- ĐG của các cấp QLGD đối với HGD KNS” có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê giữa đánh giá của CBQL và GV giữa 5 trường, với $\text{sig} < 0,05$.

Xét về mặt thống kê, có sự khác biệt ý nghĩa trong đánh giá của CBQL và GV giữa 3 nhóm trình độ chuyên môn (TĐCM) là trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng – đại học và trên đại học đối với yếu tố “sự chỉ đạo và KT – ĐG của các cấp QLGD đối với HGD KNS cho HS trong nhà trường TH”, với $\text{sig} = 0,038 < 0,05$.

Như vậy có thể khẳng định, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới công tác QL HGD KNS cho HS ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng, bao gồm các yếu tố về năng lực QL của CBQL nhà trường, yếu tố về nhận thức của CBQL và các LLGD trong nhà trường về tầm quan trọng cũng như mức độ cần thiết của công tác QL HGD KNS, các yếu tố về việc các LLGD và CBQL nhà trường được bồi dưỡng về hoạt động và công tác QL hoạt động này, cho tới các yếu tố về sự phối hợp trong công tác QL của các chủ thể QL nhà trường, cơ sở pháp lí của hoạt động và công tác chỉ đạo, KT – ĐG của các cấp QLGD. Đặc biệt là các yếu tố về

vai trò của người CBQL trong nhà trường TH.

5. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số CBQL và GV các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng đã có nhận thức đúng đắn về mức độ cần thiết của công tác QL HGD KNS cho HS đối với các chủ thể QL nhà trường. Đây là một thuận lợi đối với HGD KNS cho HS ở các trường, bởi vì nhận thức đúng đắn sẽ là cơ sở cho việc chú trọng thực hiện hoạt động và QL hoạt động.

Phần lớn CBQL các trường đã thực hiện đầy đủ bốn chức năng QL trong công tác QL HGD KNS cho HS. Trong đó, đặc biệt chú trọng chức năng chỉ đạo thông qua việc thực hiện nhiều biện pháp chỉ đạo các LLGD trong nhà trường thực hiện hoạt động này; tuy nhiên, chức năng KT – ĐG chưa được chú trọng đúng mức, phần lớn CBQL các trường chưa thực hiện thường xuyên nhiều biện pháp nhằm KT – ĐG HGD KNS cho HS của nhà trường.

Các điều kiện về CSVC – PTGD cho HGD KNS còn khó khăn, đặc biệt là các PTGD đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH. Đa số đội ngũ GV chưa được bồi dưỡng về HGD KNS cho HS, do đó có những khó khăn trong việc thực hiện lồng ghép GD KNS vào các HĐGD trong nhà trường. CBQL nhà trường phần lớn chưa được bồi dưỡng về công tác QL HGD KNS cho HS, vì vậy còn gặp nhiều khó khăn trong công tác QL hoạt động này. Do đó, sở GD&ĐT tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là phòng GD&ĐT huyện Đạ Tẻh cần

chú trọng đầu tư trang bị CSVC – PTGD, bồi dưỡng đội ngũ GV và CBQL nhà trường về HDGD KNS cho HS và công tác QL hoạt động này để HDGD KNS và công tác QL hoạt động này ở các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa trong huyện đạt hiệu quả, nhằm GD toàn diện nhân

cách HS, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của trường TH.

Có nhiều yếu tố được CBQL và GV các trường TH thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đa Têh – tỉnh Lâm Đồng đánh giá ảnh hưởng đến công tác QL HDGD KNS cho HS. Trong đó đáng chú ý là các yếu tố về vai trò của CBQL nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Luật Giáo dục năm 2009 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2005)*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Điều lệ trường tiểu học*, ban hành kèm theo quyết định số 51/2007/QĐ - BGDĐT ngày 31/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Hoàng Hòa Bình (2009), “Giáo dục kỹ năng sống trong môn Tiếng Việt ở tiểu học”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 47, tháng 8/2009.
4. Hoàng Hòa Bình (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, (tài liệu dành cho giáo viên), Nxb Giáo dục.
5. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục.
6. Đào Thị Oanh (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Quang Uẩn (2008), “Khái niệm kỹ năng sống xét theo góc độ tâm lý học”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 6, tháng 6 - 2008.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-9-2014; ngày phản biện đánh giá: 20-9-2014;
ngày chấp nhận đăng: 30-9-2014)

PHỤ LỤC

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên các trường tiểu học thuộc vùng sâu vùng xa huyện Đạ Tẻh – tỉnh Lâm Đồng về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

Các yếu tố	Đánh giá mức độ ảnh hưởng (%)						TB		ĐLC		Kiểm nghiệm ANOVA	
	Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng							
	QL	GV	QL	GV	QL	GV	QL	GV	QL	GV	Giữa 5 trường	Giữa 3 nhóm TĐCM
	Sig											
Nhận thức của CBQL về sự cần thiết của công tác QL hoạt động GDKNS cho HS	100	88,4	0	10,1	0	1,4	3,00	2,87	0	0,38	0,043	0,594
Nhận thức của CBQL và các LLGD nhà trường về tầm quan trọng của hoạt động,	96,4	82,6	3,6	14,5	0	2,9	2,96	2,80	0,19	0,47	0,297	0,854
Năng lực của CBQL nhà trường,	96,4	79,7	3,6	20,3	0	0	2,96	2,80	0,19	0,41	0,000	0,677
CBQL nhà trường được bồi dưỡng về công tác QL hoạt động GDKNS cho HS	92,9	92,8	7,1	4,3	0	2,8	2,93	2,93	0,27	0,32	0,036	0,925
Các LLGD nhà trường được bồi dưỡng về hoạt động GDKNS	92,9	73,9	7,1	24,6	0	1,4	2,93	2,72	0,26	0,48	0,522	0,309
Sự phối hợp trong công tác QL hoạt động GDKNS của các chủ thể QL	89,3	62,3	10,7	34,8	0	2,9	2,89	2,59	0,32	0,55	0,134	0,216
Sự quan tâm và tạo điều kiện của các cấp QLGD đối với hoạt động GDKNS	78,6	79,7	21,4	18,8	0	1,4	2,79	2,78	0,42	0,45	0,010	0,746
Cơ sở pháp lý của hoạt động GDKNS	71,4	65,2	28,6	34,8	0	0	2,71	2,65	0,46	0,48	0,239	0,559
Chỉ đạo và kiểm tra – đánh giá của các cấp QLGD đối với hoạt động GDKNS	64,3	69,6	35,7	29,0	0	1,4	2,64	2,68	0,49	0,50	0,068	0,038

